

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC HUẾ
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA

PGS. TS Luật học **VÕ KHÁNH VINH**
(Chủ biên)

GIÁO TRÌNH
CÁC CƠ QUAN BẢO VỆ PHÁP LUẬT

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG AN NHÂN DÂN
HÀ NỘI - 2003

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN, ĐỐI TƯỢNG VÀ HỆ THỐNG MÔN HỌC CÁC CƠ QUAN BẢO VỆ PHÁP LUẬT	8
1. Hoạt động bảo vệ pháp luật: các dấu hiệu, khái niệm và nhiệm vụ.....	8
2. Các chức năng cơ bản của hoạt động bảo vệ pháp luật; hệ thống và đặc trưng của các cơ quan bảo vệ pháp luật	13
3. Đối tượng và hệ thống môn học “các cơ quan bảo vệ pháp luật”	15
4. Mối tương quan của môn học “các cơ quan bảo vệ pháp luật” với các môn học pháp luật khác.....	16
CHƯƠNG II: PHÁP LUẬT VỀ CÁC CƠ QUAN BẢO VỆ PHÁP LUẬT.....	19
1. Khái quát chung và phân loại các văn bản quy phạm pháp luật về các cơ quan bảo vệ pháp luật.....	19
2. Phân loại các văn bản quy phạm pháp luật về các cơ quan bảo vệ pháp luật theo nội dung của các văn bản quy phạm pháp luật.....	20
3. Phân loại các văn bản quy phạm pháp luật về các cơ quan bảo vệ pháp luật theo ý nghĩa pháp lý của các văn bản quy phạm pháp luật.....	24
CHƯƠNG III: QUYỀN TƯ PHÁP VÀ HỆ THỐNG CÁC CƠ QUAN THỰC HIỆN QUYỀN TƯ PHÁP.....	27
1. Quyền tư pháp, khái niệm và mối tương quan của quyền tư pháp với các quyền khác của quyền lực nhà nước	27
2. Tòa án - cơ quan thực hiện quyền tư pháp.....	32
3. Hệ thống Tòa án	35
CHƯƠNG IV: XÉT XỬ VÀ CÁC NGUYÊN TẮC CỦA XÉT XỬ.....	38
1. Các dấu hiệu đặc trưng và khái niệm xét xử.....	38
2. Các nguyên tắc dân chủ của xét xử: khái niệm, các nguồn và ý nghĩa.....	41
3. Pháp chế.....	42
4. Bảo đảm các quyền và tự do của con người và công dân khi tiến hành xét xử.....	45
5. Việc xét xử chỉ do Tòa án thực hiện	48
6. Bảo đảm tính hợp pháp, tính có thẩm quyền và tính vô tư của Tòa án	49
7. Bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân khi xét xử	51
8. Thực hiện việc xét xử trên cơ sở sự bình đẳng của mọi công dân trước pháp luật và Tòa án.....	52
9. Bảo đảm cho công dân quyền được bảo vệ bằng Tòa án	54
10. Tranh tụng và bình đẳng của các bên	54
11. Bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo	56
12. Suy đoán vô tội	57
13. Xét xử công khai.....	57
14. Nguyên tắc tiếng nói và chữ viết dùng trong xét xử.....	58
15. Nguyên tắc thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia.....	60
CHƯƠNG V: TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN, QUẬN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THUỘC TỈNH	62
1. Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh - cấp xét xử cơ bản.....	62
2. Thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.....	63
3. Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân.....	65

4. Chánh án Tòa án nhân dân cấp huyện	67
5. Tổ chức công việc ở Tòa án nhân dân cấp huyện	67
CHƯƠNG VI: TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC	
TRUNG ƯƠNG.....	71
1. Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thẩm quyền và vị trí của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong hệ thống Tòa án nhân dân	71
2. Thành phần và cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	75
3. Tổ chức công việc ở Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.....	78
CHƯƠNG VII: TOÀ ÁN QUÂN SỰ	83
1. Khái quát quá trình hình thành và phát triển các Tòa án quân sự ở nước ta.....	83
1.1. Tòa án quân sự và Tòa án binh ở nước ta giai đoạn 1945 - 1960.....	83
1.2. Các Tòa án quân sự giai đoạn 1960-1986.....	86
2. Chức năng, nhiệm vụ và các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án quân sự.....	90
2.1. Chức năng và nhiệm vụ của các Tòa án quân sự	90
2.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Tòa án quân sự.....	91
2.3. Tổ chức và hoạt động của các Tòa án quân sự.....	92
CHƯƠNG VIII: TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO.....	99
1. Tòa án nhân dân tối cao - cơ quan xét xử cao nhất.....	99
2. Thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân tối cao	101
3. Trật tự hình thành Tòa án nhân dân tối cao, thành phần và cơ cấu tổ chức của Tòa án nhân dân tối cao.....	102
4. Tổ chức công việc ở Tòa án nhân dân tối cao	106
CHƯƠNG IX: QUY CHẾ CỦA THẨM PHÁN VÀ HỘI THẨM NHÂN DÂN... 109	
1. Đội ngũ Thẩm phán và quy chế của Thẩm phán: khái niệm và các đặc điểm chung	109
2. Các tiêu chuẩn đối với những người ứng cử chức vụ Thẩm phán	111
3. Tuyển chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức chức danh Thẩm phán; điều động, biệt phái Thẩm phán	114
3.1. Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán	114
3.3. Miễn nhiệm Thẩm phán.....	121
3.4. Cách chức chức danh Thẩm phán	122
3.5. Điều động, biệt phái Thẩm phán.....	123
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức chức vụ Chánh án, Phó Chánh án; giao quyền Chánh án; điều động, biệt phái Chánh án, Phó Chánh án	124
4.1. Thủ tục, hồ sơ đề nghị bổ nhiệm chức vụ Chánh án, Phó Chánh án.....	124
4.2. Thủ tục, hồ sơ đề nghị miễn nhiệm chức vụ Chánh án, Phó Chánh án.....	125
4.3. Thủ tục, hồ sơ đề nghị cách chức chức vụ Chánh án, Phó Chánh án.....	126
4.4. Về việc giao quyền Chánh án	127
4.5. Về điều động, biệt phái đối với Chánh án, Phó Chánh án	127
5. Hội thẩm Tòa án nhân dân.....	128
CHƯƠNG X: LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA HỆ THỐNG	
TOÀ ÁN VIỆT NAM	131
1. Pháp đình thời phong kiến	131
1.1. Tổ chức pháp đình phong kiến.....	132
1.2. Những nét đặc sắc trong pháp đình thời xưa	140
2. Tòa án thời Pháp thuộc	145

2.1. Hệ thống Tòa án của người Pháp ở Việt Nam	146
2.2. Hệ thống Tòa án của Nam triều	149
3. Tòa án thời hiện đại	156
CHƯƠNG XI: QUẢN LÝ TOÀ ÁN VỀ TỔ CHỨC.....	172
1. Khái niệm và nội dung quản lý Tòa án về tổ chức	172
2. Quá trình phát triển của các quy định pháp luật về quản lý Tòa án về tổ chức	175
2.1. Thời kỳ cách mạng dân tộc dân chủ (1945 - 1954)	175
2.2. Thời kỳ cách mạng xã hội chủ nghĩa (từ năm 1954 đến nay).....	177
3. Các cơ quan thực hiện quản lý Tòa án về tổ chức.....	185
3.1. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - cơ quan quản lý Tòa án về tổ chức.....	185
3.2. Tòa án nhân dân tối cao - cơ quan quản lý các Tòa án nhân dân địa phương về tổ chức	186
CHƯƠNG XII: VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN.....	191
1. Khái quát chung về vị trí, nhiệm vụ, chức năng của Viện kiểm sát nhân dân.....	191
2. Lịch sử phát triển của Viện kiểm sát nhân dân qua từng giai đoạn (từ khi thành lập đến Hiến pháp sửa đổi năm 2001).....	194
2.1. Giai đoạn hình thành và củng cố từ sau Cách mạng Tháng 8-1945 và theo Hiến pháp năm 1959.	194
2.2. Hệ thống cơ quan kiểm sát theo Hiến pháp năm 1980.	197
2.3. Hệ thống cơ quan kiểm sát theo Hiến pháp 1992.	198
3. Hệ thống cơ quan Kiểm sát nhân dân theo hiến pháp sửa đổi năm 2001	199
3.1. Cơ cấu tổ chức của Viện kiểm sát nhân dân.	199
3.2. Cơ cấu tổ chức Viện kiểm sát quân sự.....	202
4. Các hình thức thực hiện chức năng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp	205
4.1. Thực hành quyền công tố và kiểm sát điều tra các vụ án hình sự.....	206
4.3. Kiểm sát việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình, hành chính, kinh tế, lao động và những việc khác theo quy định của pháp luật.	212
4.4. Kiểm sát việc thi hành án	214
4.5. Kiểm sát việc tạm giữ, tạm giam, quản lý và giáo dục người chấp hành hình phạt tù	216
5. Kiểm sát viên và Điều tra viên Viện kiểm sát nhân dân.....	219
5.1. Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân	219
5.2. Điều tra viên.	220
CHƯƠNG XIII: CƠ QUAN ĐIỀU TRA.....	222
1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại cơ quan điều tra.....	222
1.1. Khái niệm và những đặc điểm cơ bản của cơ quan điều tra.	222
1.2. Hệ thống và phân loại các cơ quan điều tra	225
2. Lịch sử hình thành và các giai đoạn phát triển của cơ quan điều tra	228
2.1. Giai đoạn 1945-1953.	228
2.2. Giai đoạn 1953-1975	230
2.3. Giai đoạn 1975-1986	233
2.4. Giai đoạn 1986- đến nay.....	234
3. Vị trí, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan điều tra	236
3.1. Vị trí của cơ quan điều tra trong hệ thống tư pháp hình sự.	236
3.2. Chức năng của cơ quan điều tra.....	238
3.3. Nhiệm vụ của cơ quan điều tra	242

4. Thẩm quyền điều tra vụ án hình sự.....	243
4.1. Khái niệm và phân định thẩm quyền điều tra.....	243
4.2. Thẩm quyền điều tra vụ án hình sự của các cơ quan điều tra.....	245
5. Chức năng, thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan điều tra và Điều tra viên.....	250
5.1. Thủ trưởng cơ quan điều tra.....	250
5.2. Điều tra viên.....	253
CHƯƠNG XIV: LUẬT SƯ VÀ TỔ CHỨC LUẬT SƯ.....	257
1. Khái niệm, vai trò của luật sư.....	257
1.1. Khái niệm luật sư.....	257
1.2. Vai trò của luật sư.....	261
2. Sự hình thành và phát triển nghề luật sư ở Việt Nam.....	264
2.1. Nghề luật sư ở Việt Nam trước năm 1987.....	264
2.2. Pháp lệnh tổ chức luật sư năm 1987.....	267
3. Luật sư.....	269
3.1. Điều kiện hành nghề luật sư.....	269
3.2. Phạm vi hành nghề, quyền và nghĩa vụ của luật sư.....	275
4. Tổ chức hành nghề luật sư.....	278
4.1. Hình thức tổ chức hành nghề luật sư: Văn phòng luật sư và Công ty luật hợp danh.....	278
4.2. Quyền và nghĩa vụ của Văn phòng luật sư, Công ty luật hợp danh.....	280
4.3. Thủ lao luật sư.....	281
5. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư và việc quản lý hành nghề luật sư.....	282
5.1. Tổ chức xã hội- nghề nghiệp của luật sư.....	282
5.2. Quản lý hành nghề luật sư.....	283
CHƯƠNG XV: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG.....	286
1. Khái niệm công chứng.....	286
2. Lịch sử hình thành và phát triển của thể chế công chứng ở Việt Nam.....	289
2.1. Sơ lược lịch sử hình thành và phát triển công chứng trên thế giới.....	289
2.2. Lịch sử hình thành và phát triển thể chế công chứng ở Việt Nam.....	290
3. Hệ thống tổ chức công chứng ở Việt Nam.....	294
3.1. Các mô hình tổ chức công chứng trên thế giới.....	294
3.2. Mô hình tổ chức công chứng, chứng thực ở Việt Nam hiện nay.....	297
4. Vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan công chứng.....	299
4.1. Vai trò của cơ quan công chứng.....	299
4.2. Vị trí của cơ quan công chứng.....	303
4.3. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan công chứng.....	306
5. Công chứng viên - tiêu chuẩn bổ nhiệm công chứng viên.....	307
5.1. Khái niệm công chứng viên.....	307
5.2. Tiêu chuẩn bổ nhiệm công chứng viên.....	308
5.3. Thẩm quyền, thủ tục bổ nhiệm, biệt phái, điều động, tạm đình chỉ, miễn nhiệm công chứng viên.....	310
CHƯƠNG XVI: HỆ THỐNG TOÀ ÁN LIÊN BANG NGA.....	314
1. Khái quát chung về hệ thống Tòa án Liên bang Nga.....	314
2. Tòa án Hiến pháp Liên bang Nga.....	320
2.1. Các quyền hạn và nguyên tắc tổ chức của Tòa án Hiến pháp Liên bang Nga.....	320
2.2. Các quyết định của Tòa án Hiến pháp Liên bang Nga: các loại, nội dung, hình thức và ý nghĩa pháp lý.....	328
3. Tòa án thẩm quyền chung ở Liên bang Nga.....	331

3.1. Tòa án huyện, quận.....	331
3.2. Thẩm quyền của Tòa án huyện, quận	331
3.3. Các Tòa án cấp trung gian	333
3.4. Tòa án quân sự.....	336
4. Các Tòa án trọng tài và các cơ quan trọng tài khác	341
4.1. Các Tòa án trọng tài, vị trí và vai trò của các Tòa án trọng tài trong hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật	341
4.2. Các Tòa án trọng tài cấp độ chủ thể liên bang.....	343
4.3. Các Tòa án trọng tài vùng liên bang, trình tự thành lập, cơ cấu và thẩm quyền.....	348
4.4. Tòa án trọng tài cấp cao nhất của Liên bang Nga, thành phần, cơ cấu và quyền hạn ..	351
4.5. Các cơ quan trọng tài khác	355
CHƯƠNG XVII HỆ THỐNG TOÀ ÁN NƯỚC CỘNG HOÀ PHÁP.....	359
1. Vai trò, vị trí của Tòa án trong Nhà nước pháp quyền Cộng hoà Pháp	359
1.1. Vai trò của Tòa án trong Nhà nước pháp quyền	359
1.2. Những đặc điểm của hệ thống Tòa án Pháp.....	361
2. Hệ thống Tòa án nước Cộng hoà Pháp.....	363
2.1. Hội đồng Bảo hiến	363
2.2. Hệ thống Tòa án hành chính.....	371
2.3. Hệ thống Tòa án tư pháp.....	379
2.4. Tòa phân định thẩm quyền	393
2.5. Các Tòa đặc biệt	394
CHƯƠNG XVIII HỆ THỐNG TOÀ ÁN CỘNG HOÀ LIÊN BANG ĐỨC	398
1. Sự độc lập của hệ thống Tòa án	398
2. Các cấp xét xử.....	399
3. Các ngành Tòa án	400
3.1. Tài phán thường	400
3.2. Tài phán hành chính	401
3.3. Tài phán hiến pháp.....	403
3.4. Tài phán công vụ.....	404
4. Các nguyên tắc xét xử.....	405
4.1. Nguyên tắc về Thẩm phán theo luật	405
4.2. Dương sự phải được có ý kiến (audiatur et altera pars)	406
4.3. Nguyên tắc cấm hồi tố (nulla poena sine lege).....	406
4.4. Nguyên tắc cấm hình phạt đúp (ne bis in idem)	407
CHƯƠNG XIX HỆ THỐNG TOÀ ÁN MỸ	409
1. Khái quát chung.....	409
2. Phân định thẩm quyền giữa Tòa án Liên bang và các Tòa án của các bang.....	410
3. Hệ thống Tòa án Liên bang	416
3.1. Các Tòa án khu vực.....	416
3.2. Các Tòa án phúc thẩm	421
3.3. Tòa án tối cao.....	423
3.4. Các Tòa án nằm ngoài hệ thống ba cấp xét xử của liên bang	429
Hệ thống toà án khu vực Cô-lôm-bia.....	431
4. Các hệ thống Tòa án của các bang ở Mỹ	438
4.1. Hệ thống Tòa án bang California.....	439
4.2. Hệ thống Tòa án bang Illinons	445
4.3. Hệ thống Tòa án bang Aljaska	448

CHƯƠNG XX HỆ THỐNG TOÀ ÁN NHẬT BẢN.....456

1. Lịch sử phát triển của hệ thống tư pháp Nhật Bản.....	456
1.1. Tư pháp Nhật Bản từ thời cổ đại đến kỷ nguyên Heian	456
1.2. Tư pháp Nhật Bản từ kỷ nguyên Kamakua đến kỷ nguyên Edo	456
1.3. Hệ thống chính trị và tư pháp trước Hiến pháp thời Meiji (Minh Trị).....	458
1.4. Tổ chức chính trị và hệ thống tư pháp dưới Hiến pháp Meiji (Minh Trị)	459
2. Hệ thống Toà án Nhật Bản sau Chiến tranh Thế giới lần thứ hai	460
3. Hệ thống Toà án Nhật Bản ngày nay	461
4. Các Thẩm phán	465
4.1. Thẩm phán Toà án Tối cao	465
4.2. Thẩm phán các Toà án cấp dưới	465
4.3. Các cán bộ Toà án khác:	466
5. Công tố viên và Viện Công tố.....	467
5.1. Công tố viên.....	467
5.3. Các viện công tố:	468
6.1. Các vụ án hành chính, dân sự	468
6.2. Các vụ án hình sự.....	471

CHƯƠNG XXI HỆ THỐNG TOÀ ÁN CỘNG HOÀ NHÂN DÂN TRUNG HOA

.....476

1. Vị trí, vai trò và các nguyên tắc xét xử cơ bản của hệ thống Toà án nhân dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa	476
1.1. Vị trí, vai trò của hệ thống Toà án nhân dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa.....	476
1.2. Các nguyên tắc xét xử cơ bản	478
2. Hệ thống Toà án nhân dân nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa	480
2.1. Toà án nhân dân tối cao của nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa	480
2.2. Hệ thống Toà án nhân dân địa phương	482
2.3. Các Toà án chuyên biệt.....	485
3. Các hình thức tổ chức xét xử	488
3.1. Phiên toà một Thẩm phán	489
3.2. Hội đồng xét xử	489
3.3. Ủy ban Thẩm phán	490
4. Hệ thống Toà án của Hồng Công, Ma Cao và Đài Loan	490
4.1. Hệ thống Toà án của Hồng Công.....	490
4.2. Hệ thống Toà án của Ma Cao	490
4.3. Hệ thống Toà án của Đài Loan.....	491

CHƯƠNG I

**CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN, ĐỐI TƯỢNG VÀ HỆ THỐNG
MÔN HỌC CÁC CƠ QUAN BẢO VỆ PHÁP LUẬT**

1. HOẠT ĐỘNG BẢO VỆ PHÁP LUẬT: CÁC DẤU HIỆU, KHÁI NIỆM VÀ NHIỆM VỤ

Hoạt động của Nhà nước và của các cơ quan nhà nước bao trùm những lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Nội dung của hoạt động đa dạng đó là giải quyết những vấn đề bảo đảm cho hoạt động kinh tế nói chung, của các ngành và tổ chức kinh tế cụ thể được tiến hành bình thường, ổn định và phát triển; bảo đảm ổn định chính trị và phát triển nền dân chủ; giải quyết những vấn đề xã hội; tạo ra những điều kiện để phát triển văn hoá, khoa học và giáo dục; củng cố và phát triển khả năng bảo vệ tổ quốc và bảo vệ an ninh quốc gia; thực hiện chính sách đối ngoại, và thực hiện các chức năng quan trọng khác.

Việc thực hiện các nhiệm vụ củng cố và bảo vệ pháp chế và trật tự pháp luật, bảo vệ các quyền và tự do của con người và của công dân, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các cơ quan nhà nước, các tổ chức, các tập thể lao động, đấu tranh phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác chiếm một trong những vị trí trung tâm trong hoạt động của Nhà nước. Do vậy, việc xác định và thực hiện các nhiệm vụ đó được Nhà nước và các cơ quan nhà nước, các tổ chức và mọi người quan tâm đặc biệt. Trước hết, dưới hình thức này hay hình thức khác, các nhiệm vụ đó được ghi nhận trong Hiến pháp năm 1992 của nước ta, đó là ở các Điều 11, 12, 13, 28, 50...

Theo thực chất tất cả các cơ quan nhà nước đều có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ hiến định nói trên. Đồng thời, việc quy định các nhiệm vụ đó đặt cơ sở pháp lý cho mọi công dân có khả năng bằng các phương thức hợp pháp bảo vệ các quyền và tự do của mình, tích cực hỗ trợ và đòi hỏi các cơ quan nhà nước thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ các quyền và tự do của con người, của công dân.

Trong phạm vi hoạt động của mình, tất cả các cơ quan nhà nước đều có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ đó, nhưng đối với phần lớn các cơ quan nhà nước việc bảo vệ pháp chế và trật tự pháp luật, các quyền và tự do của con người và của công dân, đấu tranh phòng chống tội phạm và các vi phạm pháp luật khác không phải là nhiệm vụ chính, nhiệm vụ trực tiếp. Phần lớn các cơ quan đó có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ giải quyết những vấn đề liên quan đến việc xây dựng và phát triển nền kinh tế, văn hoá, khoa học, giáo dục, giải quyết những vấn đề xã hội, củng cố và tăng cường nền quốc phòng và an ninh quốc gia, thực hiện chính sách đối ngoại và hợp tác kinh tế với các nước khác và những vấn đề khác. Các cơ quan đó thực hiện một số nội dung của chức năng bảo vệ pháp chế và trật tự pháp luật dường như đồng thời với việc thực hiện nhiệm vụ chính của mình.

Trong hệ thống các cơ quan nhà nước có một số ít cơ quan được thiết lập để thực hiện vai trò chính là bảo đảm pháp chế và trật tự pháp luật. Trong sách báo pháp lý nước ta các cơ quan đó có các tên gọi khác nhau tùy theo quan điểm của những người quan tâm, đó là “các cơ quan bảo vệ trật tự pháp luật”, “các cơ quan bảo vệ trật tự xã hội”, “các cơ quan tư pháp”, v.v... Nói cách khác, đó là các cơ quan được quyết định bởi các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội, đạo đức, văn hoá, lịch sử và các nhân tố khác và được hình thành trên cơ sở của Hiến pháp, của các văn bản quy phạm pháp luật khác có nhiệm vụ bảo vệ trật tự của đời sống xã hội và hoạt động của Nhà nước và xã hội, của công dân Việt Nam và những người khác cư trú ở Việt Nam.

Có một khái niệm khác gần với khái niệm các cơ quan bảo vệ trật tự pháp luật là khái niệm các cơ quan bảo vệ pháp luật. Những khái niệm đó rất giống nhau nhưng không đồng nhất với nhau. Nhóm các cơ quan bảo vệ trật tự pháp luật và nhóm các cơ quan bảo vệ pháp luật không trùng hợp với nhau. Không phải tất cả các cơ quan bảo vệ trật tự pháp luật đều có thể được coi là các cơ quan bảo vệ pháp luật. Cũng như thế, trong số các cơ quan bảo vệ pháp luật có những cơ quan không có và không thực hiện chức năng bảo vệ trật tự xã hội hoặc trật tự pháp luật ở ý nghĩa rộng lớn của nó.

Để hiểu một cách sâu sắc thực chất của những tiêu chuẩn mà dựa vào đó có thể coi cơ quan nhà nước này hay cơ quan nhà nước khác là cơ quan bảo vệ pháp luật điều có ý nghĩa quan trọng trước hết là phải làm sáng tỏ các dấu hiệu của hoạt động được gọi là hoạt động bảo vệ pháp luật.

Thuật ngữ “hoạt động bảo vệ pháp luật” và khái niệm do nó thể hiện là những phạm trù tương đối mới trong sách báo khoa học pháp lý nước ta. So với các thuật ngữ và khái niệm khác thì thuật ngữ và khái niệm này có “lúa tuổi trẻ hơn”, chúng mới xuất hiện trong thời gian gần đây. Ở một mức độ nào

đó có thể nói rằng khái niệm “hoạt động bảo vệ pháp luật” chưa tồn tại một cách phổ biến. Xung quanh khái niệm đó có những tranh luận khác nhau như: các cơ quan nào được coi là các cơ quan bảo vệ pháp luật; trong pháp luật hiện hành không có những quy định rõ ràng về các cơ quan đó.

Nhưng chúng tôi cho rằng đó là một loại hoạt động của Nhà nước và hoạt động đó có một số dấu hiệu cơ bản.

Dấu hiệu cơ bản thứ nhất thể hiện ở chỗ hoạt động đó không thể được thực hiện bằng bất kỳ phương thức nào mà chỉ được thực hiện với sự hỗ trợ của việc áp dụng các biện pháp tác động pháp lý. Đó là các biện pháp tăng cường pháp chế nhà nước, các chế tài do pháp luật quy định. Ví dụ, nếu tội phạm đã thực hiện thì có thể quyết định hình phạt hoặc biện pháp tác động pháp lý hình sự khác; nếu gây thiệt hại cho tài sản mà không đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì có thể buộc phải bồi thường thiệt hại đó; nếu không thực hiện cam kết theo hợp đồng thì có thể áp dụng chế tài vật chất; nếu một ai đó điều khiển phương tiện giao thông vi phạm các quy định về an toàn giao thông thì có thể tước bằng lái v.v... Trong số các biện pháp tác động pháp lý, các biện pháp phòng ngừa các vi phạm, phòng ngừa các hoạt động trái pháp luật chiếm vị trí quan trọng.

Dấu hiệu cơ bản thứ hai của hoạt động bảo vệ pháp luật là các biện pháp tác động pháp lý được áp dụng trong quá trình tiến hành hoạt động đó cần phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật. Chỉ có pháp luật mới đưa ra các căn cứ của việc áp dụng biện pháp tác động cụ thể và xác định rõ ràng nội dung của biện pháp đó. Cơ quan áp dụng sự tác động đó có nghĩa vụ thực hiện nghiêm chỉnh các quy định pháp luật tương ứng.

Dấu hiệu cơ bản thứ ba của hoạt động bảo vệ pháp luật là hoạt động đó được thực hiện theo trật tự được pháp luật quy định với việc tuân thủ các thủ tục cụ thể. Ví dụ, bản án của Tòa án quyết định hình phạt, miễn hình phạt hoặc minh oan cho người bị kết án có thể được đưa ra sau khi đã được Tòa án tiến hành xét xử và thảo luận một cách toàn diện tất cả những vấn đề cụ thể theo thủ tục do pháp luật tố tụng hình sự quy định. Việc thảo luận để ra bản án phải được tiến hành trong phòng nghị án với việc tuân thủ các quy định về bí mật của nghị án và các quy tắc tố tụng khác. Pháp luật cũng quy định các quy tắc đối với việc xét xử các vi phạm pháp luật khác. Các tranh chấp về tài sản, các tranh chấp về lao động cũng được tiến hành xét xử theo các quy tắc tương ứng. Trong mọi trường hợp việc đưa ra quyết định về việc áp dụng hay không áp dụng các biện pháp tác động pháp lý buộc phải tuân theo các quy định cụ thể do pháp luật quy định. Trong quá trình đưa ra các quyết định nếu